

Phụ Chú Giải Tập Yếu Luật Tạng – 29. Luận giải về việc thực hiện nghi thức lễ Kathina

29. Kathinatthāravinicchayakathā

29. Lời luận giải về việc thọ y Kathina

226. Kathinanti ettha (mahāva. aṭṭha. 306) pana kathinaṃ attharituṃ ke labhanti, ke na labhanti? Gaṇanavasena tāva pacchimakoṭiyā pañca janā labhanti, uddhaṃ sataṣaḥsampi, pañcannaṃ heṭṭhā na labhanti. Vuṭṭhavassavasena purimikāya vassaṃ upagantvā paṭhamapavāraṇāya pavāritā labhanti. Chinnavassā vā pacchimikāya upagatā vā na labhanti. “Aññasmiṃ vihāre vuṭṭhavassāpi na labhanti”ti **mahāpaccariyaṃ** vuttaṃ. Purimikāya upagatānaṃ pana sabbe gaṇapūrakā honti, ānisaṃsaṃ na labhanti, ānisaṃso itaresaṃyeva hoti. Sace purimikāya upagatā cattāro vā honti tayo vā dve vā eko vā, itare gaṇapūrake katvā kathinaṃ attharitabbhaṃ. Atha cattāro bhikkhū upagatā, eko paripuṇṇavasso sāmaṇero, so ce pacchimikāya upasampajjati, gaṇapūrako ceva hoti ānisaṃsañca labhati. Tayo bhikkhū dve sāmaṇerā, dve bhikkhū tayo sāmaṇerā, eko bhikkhu cattāro sāmaṇerāti etthāpi eseva nayo. Sace purimikāya upagatā kathinatthārakusalā na honti, atthārakusalā khandhakabhāṇakattherā pariyesitvā ānetabbā. Kammavācaṃ sāvetaṃ kathinaṃ attharāpetvā dānañca bhuñjitvā gamissanti, ānisaṃso pana itaresaṃyeva hoti.

226. Ở đây, về **Kaṭhina** (mahāva. aṭṭha. 306), ai được phép thọ y Kaṭhina, ai không được phép? Về số lượng, ít nhất là năm vị mới được phép, nhiều hơn có thể lên đến trăm ngàn vị, dưới năm vị thì không được phép. Về việc đã an cư, những người đã nhập hạ vào mùa an cư trước và đã làm lễ tứ đầu tiên thì được phép. Những người bị gián đoạn an cư hoặc nhập hạ vào mùa an cư sau thì không được phép. Trong sách **mahāpaccariyaṃ** có nói: “Những người đã an cư ở tu viện khác cũng không được phép.” Nhưng đối với những người đã nhập hạ vào mùa an cư trước, nếu tất cả đều là người đủ túc số, thì họ không nhận được quả báu, quả báu chỉ thuộc về những người còn lại. Nếu những người đã nhập hạ vào mùa an cư trước có bốn, ba, hai, hoặc một vị, thì nên lấy những người khác làm đủ túc số rồi thọ y Kaṭhina. Nếu có bốn Tỳ-khưu đã nhập hạ, một sa-di đủ tuổi, nếu sa-di đó thọ cụ túc giới vào mùa an cư sau, thì vừa là người đủ túc số, vừa nhận được quả báu. Trường hợp có ba Tỳ-khưu và hai sa-di, hai Tỳ-khưu và ba sa-di, một Tỳ-khưu và bốn sa-di, cũng theo cách này. Nếu những người đã nhập hạ vào mùa an cư trước không rành về việc thọ y Kaṭhina, nên tìm và mời các vị trưởng lão thông thạo Luật Tạng, rành về việc thọ y. Họ sẽ đọc Tăng sự, cho thọ y Kaṭhina, dùng vật cúng dường rồi ra về, nhưng quả báu chỉ thuộc về những người còn lại.

Kathinaṃ kena dinnaṃ vaṭṭati? Yena kenaci devena vā manussena vā pañcannaṃ vā sahadhammikānaṃ aññatarena dinnaṃ vaṭṭati. Kathinadāyakaṃ vattaṃ atthi, sace so taṃ ajānanto pucchati – “bhante, kathaṃ kathinaṃ dātabba”nti, tassa evaṃ ācikkhitabbhaṃ “tiṇṇaṃ cīvarānaṃ aññatarappahonakaṃ sūriyuggamanasamaye vatthaṃ ‘kathinacīvaraṃ demā’ti dātuṃ vaṭṭati. Tassa parikammaṭthaṃ ettakā nāma sūciyo, ettakāṃ suttaṃ, ettakāṃ rajanaṃ, parikammaṃ karontānaṃ ettakānaṃ bhikkhūnaṃ

yāgubhattañca dātum vaṭṭatī”ti.

Ai cúng dường y Kaṭhina thì được? Bất kỳ ai, dù là chư thiên hay con người, hoặc một trong năm vị đồng pháp, cúng dường đều được. Người cúng dường y Kaṭhina có phận sự, nếu người đó không biết và hỏi: “Thưa ngài, nên cúng dường y Kaṭhina như thế nào?”, thì nên giải thích cho người đó như sau: “Nên cúng dường một tấm vải đủ để làm một trong ba y vào lúc mặt trời mọc và nói: ‘Chúng tôi xin cúng dường y Kaṭhina.’ Để chuẩn bị cho y đó, nên cúng dường bao nhiêu kim, bao nhiêu chỉ, bao nhiêu thuốc nhuộm, và nên cúng dường cháo cơm cho bao nhiêu Tỳ-khưu làm công việc chuẩn bị.”

Kathinatthārakenapi dhammena samena uppannam kathinam attharantena vattam jānitabbam. Tantavāyagehato hi ābhatasantāneneva khalimakkhitasāṭako na vaṭṭati, malīnasāṭakopi na vaṭṭati, tasmā kathinatthārasāṭakam labhivā suṭṭhu dhovivā sūciādīni cīvarakammūpakaraṇāni sajjetvā bahūhi bhikkhūhi saddhim tadaheva sibbitvā niṭṭhitasūcikkammam rajitvā kappabindum datvā kathinam attharitabbam. Sace tasmim anatthateyeva aññam kathinasāṭakam āharati, aññāni ca bahūni kathinānisamsavatthāni deti, yo ānisamsam bahum deti, tassa santakena attharitabbam. Itaro tathā tathā ovadivā saññāpetabbo.

Người thọ y Kaṭhina, khi thọ y Kaṭhina phát sinh hợp pháp và đúng đắn, cũng nên biết phận sự. Vải áo được mang từ nhà thợ dệt về, còn dính hồ, không hợp lệ. Vải áo dơ bẩn cũng không hợp lệ. Do đó, sau khi nhận được vải áo Kaṭhina, nên giặt sạch, chuẩn bị các dụng cụ may y như kim v.v..., cùng với nhiều Tỳ-khưu may ngay trong ngày đó, sau khi đã may xong, nhuộm, điểm dấu hoại sắc rồi thọ y Kaṭhina. Nếu trong khi y đó chưa được thọ, có người mang đến một tấm vải Kaṭhina khác, và cúng dường nhiều vật dụng khác có quả báu Kaṭhina, thì nên thọ bằng y của người cúng dường nhiều quả báu hơn. Người kia nên được khuyên bảo và giải thích cho hiểu.

Kathinam pana kena attharitabbam? Yassa saṅgho kathinacīvaram deti. Saṅghena pana kassa dātabbam? Yo jīṇṇacīvaro hoti. Sace bahū jīṇṇacīvarā, vuḍḍhassa dātabbam. Vuḍḍhesupi yo mahāpariso tadaheva cīvaram katvā attharitam sakkoti, tassa dātabbam. Sace vuḍḍho na sakkoti, navakataro sakkoti, tassa dātabbam. Apica saṅghena mahātherassa saṅgham kātum vaṭṭati, tasmā “tumhe, bhante, gaṇhatha, mayam katvā dassāmā”ti vattabbam. Tisu cīvaresu yam jīṇṇam hoti, tadatthāya dātabbam. Pakatiyā dupaṭṭacīvarassa dupaṭṭatthāyeva dātabbam. Sacepissa ekapaṭṭacīvaram ghanam hoti, kathinasāṭakā ca pelavā, sārūppatthāya dupaṭṭappahonakameva dātabbam, “aham alabhanto ekapaṭṭam pārupāmī”ti vadantassapi dupaṭṭam dātum vaṭṭati. Yo pana lobhapakatiko hoti, tassa na dātabbam. Tenapi “kathinam attharivā pacchā visibbitvā dve cīvarāni karissāmī”ti na gahetabbam. Yassa pana dīyati, tassa -

Nhưng ai nên thọ y Kaṭhina? Người mà Tăng chúng cúng dường y Kaṭhina. Nhưng Tăng chúng nên cúng dường cho ai? Cho người có y đã cũ. Nếu có nhiều người có y cũ, nên cúng dường cho vị lớn tuổi nhất. Trong số các vị lớn tuổi, ai có nhiều tùy tùng, có thể may

xong y và thọ ngay trong ngày đó, thì nên cúng dường cho vị ấy. Nếu vị lớn tuổi không thể, mà vị trẻ hơn có thể, thì nên cúng dường cho vị ấy. Hơn nữa, Tăng chúng nên giúp đỡ vị đại trưởng lão, do đó nên nói: “Thưa ngài, xin ngài hãy nhận, chúng con sẽ may và dâng lên.” Trong ba y, y nào đã cũ, nên cúng dường để thay thế y đó. Theo thông lệ, đối với y hai lớp, nên cúng dường để làm y hai lớp. Ngay cả khi y một lớp của vị ấy dày, mà vải Kaṭhina mỏng, thì để cho phù hợp, cũng nên cúng dường đủ để làm y hai lớp. Ngay cả khi vị ấy nói: “Tôi không có, tôi sẽ mặc y một lớp,” cũng được phép cúng dường y hai lớp. Nhưng người có bản tính tham lam thì không nên cúng dường. Vị ấy cũng không nên nhận với ý định: “Sau khi thọ y Kaṭhina, tôi sẽ tháo ra làm hai y.” Nhưng đối với người được cúng dường, thì –

“Suṇātu me, bhante, saṅgho, idaṃ saṅghassa kathinadussamṃ uppannam, yadi saṅghassa pattakallam, saṅgho imaṃ kathinadussamṃ itthannāmassa bhikkhuno dadeyya kathinaṃ attharituṃ, esā ñatti.

“Kính bạch Tăng chúng, xin hãy lắng nghe con. Vải Kaṭhina này của Tăng chúng đã phát sinh. Nếu Tăng chúng đã đến thời điểm thích hợp, Tăng chúng hãy cúng dường vải Kaṭhina này cho Tỳ-khưu tên là... để thọ y Kaṭhina. Đây là lời tác bạch.

“Suṇātu me, bhante, saṅgho, idaṃ saṅghassa kathinadussamṃ uppannam, saṅgho imaṃ kathinadussamṃ itthannāmassa bhikkhuno deti kathinaṃ attharituṃ, yassāyasmato khamati imassa kathinadussassa itthannāmassa bhikkhuno dānaṃ kathinaṃ attharituṃ, so tuṇhassa. Yassa nakkhamati, so bhāseyya.

“Kính bạch Tăng chúng, xin hãy lắng nghe con. Vải Kaṭhina này của Tăng chúng đã phát sinh. Tăng chúng cúng dường vải Kaṭhina này cho Tỳ-khưu tên là... để thọ y Kaṭhina. Vị nào tán thành việc cúng dường vải Kaṭhina này cho Tỳ-khưu tên là... để thọ y Kaṭhina, xin hãy im lặng. Vị nào không tán thành, xin hãy lên tiếng.

“Dinnaṃ idaṃ saṅghena kathinadussamṃ itthannāmassa bhikkhuno kathinaṃ attharituṃ, khamati saṅghassa, tasmā tuṇhī, evameva dhārayāmi”ti (mahāva. 307) –

“Vải Kaṭhina này đã được Tăng chúng cúng dường cho Tỳ-khưu tên là... để thọ y Kaṭhina. Tăng chúng đã tán thành, vì vậy im lặng. Con ghi nhận điều này như vậy.” (mahāva. 307) –

Evam dutiyakammavācāya dātabbam.

Nên cúng dường bằng Tăng sự nhị bạch như vậy.

Evam dinne pana kathine sace taṃ kathinadussamṃ niṭṭhitaparikkammameva hoti, iccetam kusalam. No ce niṭṭhitaparikkammam hoti, “aham thero”ti vā “bahussuto”ti vā ekenapi akātuṃ na labbhati, sabbeheva sannipatitvā dhovanasibbanarajanāni niṭṭhāpetabbāni.

Idaṇhi kathinavattam nāma buddhappasattham. Atīte padumuttaropi bhagavā kathinavattam akāsi. Tassa kira aggasāvako sujātatthero nāma kathinam gaṇhi. Tam satthā aṭṭhasaṭṭhiyā bhikkhusatasahassemi saddhim nisīditvā akāsi.

Nhưng sau khi đã cúng dường y Kaṭhina như vậy, nếu vải Kaṭhina đó đã được chuẩn bị xong, đó là điều tốt. Nếu chưa được chuẩn bị xong, không ai được phép không làm với lý do: “Tôi là trưởng lão,” hoặc “Tôi là người đa văn,” mà tất cả phải tụ họp lại để giặt, may, nhuộm cho xong. Vì phận sự Kaṭhina này được Chư Phật tán thán. Trong quá khứ, Đức Phật Padumuttara cũng đã làm phận sự Kaṭhina. Nghe nói, vị thượng thủ tinh văn của ngài là trưởng lão Sujāta đã nhận y Kaṭhina. Đức Đạo Sư đã cùng với sáu mươi tám trăm ngàn Tỳ-khưu ngồi lại làm y đó.

Katapariyositam pana kathinam gahetvā atthārakena bhikkhunā sace saṅghāṭiyā kathinam attharitikāmo hoti, porāṇikā saṅghāṭi paccuddharitabbā, navā saṅghāṭi adhiṭṭhātabbā, “imāya saṅghāṭiyā kathinam attharāmī”ti vācā bhinditabbā. Sace uttarāsaṅgena kathinam attharitikāmo hoti, porāṇako uttarāsaṅgo paccuddharitabbo, navo uttarāsaṅgo adhiṭṭhātabbo, “iminā uttarāsaṅgena kathinam attharāmī”ti vācā bhinditabbā. Sace antaravāsakena kathinam attharitikāmo hoti, porāṇako antaravāsako paccuddharitabbo, navo antaravāsako adhiṭṭhātabbo, “iminā antaravāsakena kathinam attharāmī”ti vācā bhinditabbā.

Sau khi đã làm xong, vị Tỳ-khưu thọ y, sau khi nhận y Kaṭhina, nếu muốn thọ y Kaṭhina bằng y Tăng-già-lê, thì nên xả y Tăng-già-lê cũ, quyết định dùng y Tăng-già-lê mới, và nên nói lời rằng: “Tôi xin thọ y Kaṭhina bằng y Tăng-già-lê này.” Nếu muốn thọ y Kaṭhina bằng y thượng, thì nên xả y thượng cũ, quyết định dùng y thượng mới, và nên nói lời rằng: “Tôi xin thọ y Kaṭhina bằng y thượng này.” Nếu muốn thọ y Kaṭhina bằng y nội, thì nên xả y nội cũ, quyết định dùng y nội mới, và nên nói lời rằng: “Tôi xin thọ y Kaṭhina bằng y nội này.”

Tena (pari. 413) kathinatthārakena bhikkhunā saṅgham upasaṅkamtivā ekamsam uttarāsaṅgam karitvā añjalim paggahevā evamassa vacanīyo “atthataṃ, bhante, saṅghassa kathinam, dhammiko kathinatthāro, anumodathā”ti. Tehi anumodakehi bhikkhūhi ekamsam uttarāsaṅgam karitvā añjalim paggahevā evamassa vacanīyo “atthataṃ, āvuso, saṅghassa kathinam, dhammiko kathinatthāro, anumodāmā”ti. Tena kathinatthārakena bhikkhunā sambahule bhikkhū upasaṅkamtivā ekamsam uttarāsaṅgam karitvā añjalim paggahevā evamassa vacanīyo “atthataṃ, bhante, saṅghassa kathinam, dhammiko kathinatthāro, anumodathā”ti. Tehi anumodakehi bhikkhūhi ekamsam uttarāsaṅgam karitvā añjalim paggahevā evamassa vacanīyo “atthataṃ, āvuso, saṅghassa kathinam, dhammiko kathinatthāro, anumodāmā”ti. Tena kathinatthārakena bhikkhunā ekam bhikkhum upasaṅkamtivā ekamsam uttarāsaṅgam karitvā añjalim paggahevā evamassa vacanīyo “atthataṃ, āvuso, saṅghassa kathinam, dhammiko kathinatthāro, anumodāhī”ti. Tena anumodakena bhikkhunā ekamsam uttarāsaṅgam

karitvā añjalim paggahevā evamassa vacanīyo “atthataṃ, āvuso, saṅghassa kathinaṃ, dhammiko kathinatthāro, anumodāmī”ti. Evaṃ sabbesaṃ atthataṃ hoti kathinaṃ. Vuttañhetam parivāre “dvinnam puggalānam atthataṃ hoti kathinaṃ atthārakassa ca anumodakassa cā”ti (pari. 403). Punapi vuttam “na saṅgho kathinaṃ attharati, na gaṇo kathinaṃ attharati, puggalo kathinaṃ attharati, saṅghassa anumodanāya gaṇassa anumodanāya puggalassa attharāya saṅghassa atthataṃ hoti kathinaṃ, gaṇassa atthataṃ hoti kathinaṃ, puggalassa atthataṃ hoti kathina”nti (pari. 414).

Vị Tỳ-khưu thọ y Kaṭhina đó (pari. 413) nên đến Tăng chúng, mặc y thượng lịch một bên vai, chắp tay và nói như sau: “Kính bạch Tăng chúng, y Kaṭhina của Tăng chúng đã được thọ, việc thọ y Kaṭhina hợp pháp, xin các ngài hãy tùy hỷ.” Các Tỳ-khưu tùy hỷ đó nên mặc y thượng lịch một bên vai, chắp tay và nói như sau: “Thưa hiền giả, y Kaṭhina của Tăng chúng đã được thọ, việc thọ y Kaṭhina hợp pháp, chúng tôi xin tùy hỷ.” Vị Tỳ-khưu thọ y Kaṭhina đó nên đến nhiều Tỳ-khưu, mặc y thượng lịch một bên vai, chắp tay và nói như sau: “Kính bạch các ngài, y Kaṭhina của Tăng chúng đã được thọ, việc thọ y Kaṭhina hợp pháp, xin các ngài hãy tùy hỷ.” Các Tỳ-khưu tùy hỷ đó nên mặc y thượng lịch một bên vai, chắp tay và nói như sau: “Thưa hiền giả, y Kaṭhina của Tăng chúng đã được thọ, việc thọ y Kaṭhina hợp pháp, chúng tôi xin tùy hỷ.” Vị Tỳ-khưu thọ y Kaṭhina đó nên đến một Tỳ-khưu, mặc y thượng lịch một bên vai, chắp tay và nói như sau: “Thưa hiền giả, y Kaṭhina của Tăng chúng đã được thọ, việc thọ y Kaṭhina hợp pháp, xin ngài hãy tùy hỷ.” Vị Tỳ-khưu tùy hỷ đó nên mặc y thượng lịch một bên vai, chắp tay và nói như sau: “Thưa hiền giả, y Kaṭhina của Tăng chúng đã được thọ, việc thọ y Kaṭhina hợp pháp, tôi xin tùy hỷ.” Như vậy, y Kaṭhina đã được thọ cho tất cả mọi người. Điều này đã được nói trong bộ Parivāra: “Y Kaṭhina đã được thọ cho hai người: người thọ và người tùy hỷ” (pari. 403). Lại có nói: “Tăng chúng không thọ y Kaṭhina, nhóm không thọ y Kaṭhina, cá nhân thọ y Kaṭhina. Với sự tùy hỷ của Tăng chúng, sự tùy hỷ của nhóm, sự thọ của cá nhân, y Kaṭhina đã được thọ cho Tăng chúng, y Kaṭhina đã được thọ cho nhóm, y Kaṭhina đã được thọ cho cá nhân” (pari. 414).

Evaṃ atthate pana kathine sace kathinacīvarena saddhim ābhatam ānisaṃsaṃ dāyaka “yena amhākaṃ kathinaṃ gahitaṃ, tasseva demā”ti denti, bhikkhusaṅgho anissaro. Atha avicāretvāva datvā gacchanti, bhikkhusaṅgho issaro. Tasmā sace kathinatthārakassa sesacīvarānipi dubbalāni honti, saṅghena apaloketvā tesampi atthāya vatthāni dātabbāni, kammavācā pana ekāyeva vaṭṭati. Avasesakathinānisaṃse balavavatthāni vassāvāsikaṭhikāya dātabbāni, ṭhikāya abhāve therāsanato paṭṭhāya dātabbāni, garubhaṇḍam na bhājetabbam. Sace pana ekasīmāya bahū vihārā honti, sabbehi bhikkhūhi sannipātāpetvā ekattha kathinaṃ attharitabbam, visum visum attharituṃ na

vaṭṭati.

Nhưng sau khi đã thọ y Kaṭhina như vậy, nếu thí chủ cúng dường quả báu cùng với y Kaṭhina và nói: “Chúng tôi xin cúng dường cho người đã nhận y Kaṭhina của chúng tôi,” thì Tăng chúng không có quyền. Nếu họ cúng dường mà không quyết định rồi ra về, thì Tăng chúng có quyền. Do đó, nếu các y còn lại của người thọ y Kaṭhina cũng đã yếu, Tăng chúng nên biểu quyết rồi cúng dường vải để may các y đó, nhưng chỉ cần một Tăng sự là đủ. Các loại vải tốt trong số quả báu Kaṭhina còn lại nên được chia theo lượt chia của y an cư. Nếu không có lượt chia, nên chia từ ghế trưởng lão trở đi. Vật dụng nặng không được chia. Nhưng nếu trong một kết giới có nhiều tu viện, tất cả các Tỳ-khưu nên tụ họp lại và thọ y Kaṭhina ở một nơi, không được thọ riêng rẽ.

“Atthatakathinānaṃ vo, bhikkhave, pañca kappissanti, anāmantacāro asamādānacāro gaṇabhojanaṃ yāvadatthacīvaraṃ yo ca tattha cīvaruppādo. So nesaṃ bhavissatī”ti (mahāva. 306) vāya atthatakathinānaṃ bhikkhūnaṃ anāmantacārādayo pana pañcānisamsā labbhanti. Tattha **anāmantacāro**ti anāmantetvā caraṇaṃ, yāva kathinaṃ na uddharīyati, tāva cārittasikkhāpadena anāpattīti vuttaṃ hoti. **Asamādānacāro**ti cīvaraṃ asamādāya caraṇaṃ, cīvaravippavāsoti attho. **Gaṇabhojana**nti gaṇabhojanasikkhāpadena anāpatti vuttā. **Yāvadatthacīvaranti** yāvatā cīvarena attho, tāvatakaṃ anadhiṭṭhitaṃ avikappitaṃ vaṭṭatīti attho. **Yo ca tattha cīvaruppādo**ti tattha kathinatthatasīmāya matakacīvaraṃ vā hotu saṅghaṃ uddissa dinnam vā saṅghikena tatruppādena ābhataṃ vā, yena kenaci ākārena yaṃ saṅghikaṃ cīvaraṃ uppajjati, taṃ tesam bhavissatīti attho.

Theo lời dạy: “Này các Tỳ-khưu, năm điều sau sẽ hợp lệ đối với các vị đã thọ y Kaṭhina: đi lại không cần xin phép, đi lại không cần mang đủ y, dùng bữa tập thể, có bao nhiêu y tùy ý, và phần y phát sinh ở đó sẽ thuộc về các vị ấy” (mahāva. 306), các Tỳ-khưu đã thọ y Kaṭhina sẽ nhận được năm quả báu là đi lại không cần xin phép v.v... Ở đây, **đi lại không cần xin phép** là đi lại mà không cần xin phép, có nghĩa là, chừng nào y Kaṭhina chưa được xả, thì không phạm tội theo học giới về việc đi lại. **Đi lại không cần mang đủ y** là đi lại mà không mang đủ y, có nghĩa là xa lìa y. **Dùng bữa tập thể** là không phạm tội theo học giới về việc dùng bữa tập thể. **Có bao nhiêu y tùy ý** là cần bao nhiêu y, thì bấy nhiêu y không cần quyết định, không cần xả bỏ đều hợp lệ. **Phần y phát sinh ở đó** là, ở trong kết giới đã thọ y Kaṭhina đó, dù là y của người đã chết, hoặc được cúng dường hướng đến Tăng chúng, hoặc được mang đến bằng vật phát sinh tại chỗ của Tăng chúng, bất kỳ y phục nào của Tăng chúng phát sinh bằng cách nào, nó sẽ thuộc về các vị ấy.

Iti pāḷimuttakavinayavinicchayaśaṅgahe

Kathinatthāraṇīcchayaṭṭhā samattā.

Trong Tập hợp phân tích giới luật ngoài Tam Tạng Pāli

Chấm dứt lời luận giải về việc thọ y Kaṭhina.